



Vietnam Journal of Public Health

Cơ quan Ngôn luận của Hội Y tế Công cộng Việt Nam



Tạp chí Y tế Công cộng

Hội Y tế Công cộng Việt Nam xuất bản

Vietnam Journal of Public Health Published by Vietnam Public Health Association

Tổng biên tập:

GS. Lê Vũ Anh

Phó tổng biên tập:

GS. Colin W.Binns (Curtin University)

Ban biên tập:

GS. Andy H.Lee (Curtin University)

PGS.TS. Đỗ Văn Dũng (Đại học Y Dược thành phố HCM)

GS. Guy Lanza (The State University of New York, United States)

TS. Lê Cự Linh (Trường Đại học VinUni)

PGS.TS. Hoàng Văn Minh (Trường Đại học Y tế Công cộng)

GS. Juhwan Oh (Seoul National University)

GS. Kevin Mulvey (SAMHSA/Northeastern University)

GS. Lembit Sihver (Technische Universität Wien – Atominstitut)

GS. Mike Capra (University of Queensland, Australia)

TS. Nguyễn Ngọc Bích (Trường Đại học Y tế Công cộng)

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hương (Trường Đại học Y tế Công cộng)

TS. Phạm Đức Phúc (Trường Đại học Y tế công cộng)

PGS.TS. Phạm Việt Cường (Trường Đại học Y tế Công cộng)

TS. Phùng Trí Dũng (Griffith University, Australia)

TS. Trần Thị Tuyết Hạnh (Trường Đại học Y tế Công cộng)

GS. Trude Bennett (University of North Carolina, United States)

PGS.TS. Vũ Thị Hoàng Lan (Trường Đại học Y tế Công cộng)

Hội đồng cố vấn:

GS. Đặng Nguyên Anh (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

PGS.TS. Jennifer S. Hirsch (Columbia University)

GS. Nguyễn Công Khẩn (Bộ Y tế)

GS. Nguyễn Văn Tuấn (Garvan Institute)

Tòa soạn:

PPhòng 503 - 504, Nhà E1, Khu Ngoại giao đoàn Trung Tự.

Số 06 Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 024.37368065/ Fax: 024.37366265

Email: tapchiytcc@vpha.org.vn

Giấy phép số: 531/GP-BTTTT. Cấp ngày: 24-04-2009



MỤC LỤC

- Một số yếu tố ảnh hưởng đến kiệt sức nghề nghiệp ở bác sĩ và điều dưỡng tại một bệnh viện hạng 1 ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, năm 2020** [6]
Nguyễn Ngọc Bích, Vũ Thái Sơn
- Thực trạng viêm phổi thở máy và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn** [16]
Nguyễn Đình Hưng, Nguyễn Thu Hương, Phạm Minh Châu, Đỗ Viết Tiệp
- Tình hình tái nhiễm và các yếu tố liên quan đến tái nhiễm giun truyền qua đất ở học sinh tiểu học tỉnh Hậu Giang sau can thiệp bằng mebendazole 500mg năm 2019-2020** [24]
Nguyễn Thanh Tùng, Võ Thị Hoàng Loan, Lưu Hoàng Nhựt, Nguyễn Ngọc Ánh, Phạm Thị Mỹ Ngọc, Đỗ Thanh Diệp, Lê Thanh Vũ, Nguyễn Thị Viễn Phương, Trần Trung Dũng, Phan Ngọc Bình, Nguyễn Thị Nhí
- Tác động dài hạn của bụi mịn $pm_{2.5}$ đến số catrữ vong chung tại TP.HCM năm 2018** [33]
Trần Ngọc Đăng, Nguyễn Trường Viên, Nguyễn Đào Thiên Ân, Trương Thị Thùy Dung, Nguyễn Ngọc Nhật Thanh, Đinh Thị Giang, Phan Hoàng Thùy Dung
- Thực hành dinh dưỡng của người bệnh đái tháo đường type 2 tại xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre** [43]
Đỗ Thị Hạnh Trang, Huỳnh Thị Ngọc Hiền
- Sử dụng thông tin phòng, chống HIV/AIDS của sinh viên trường đại học ở Vinh** [53]
Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Bích Nguyệt, Hồ Thị Hiền



CONTENTS

Some factors affecting burnout among doctors and nurses at a central hospital in Vietnam, 2020 [6]

Nguyen Ngoc Bich, Vu Thai Son

Current situation of Ventilator-Associated Pneumonia and related factors [16]

Nguyen Dinh Hung, Nguyen Thu Huong, Pham Minh Chau, Do Viet Tiep

Situation of reinfection and factors related to soil – transmitted helminth reinfection in primary school students in Hau Giang province after interacting with Mebendazole 500mg, in 2019-2020 [24]

Nguyen Thanh Tung, Vo Thi Hoang Loan, Luu Hoang Nhut, Nguyen Ngoc Anh, Pham Thi My Ngoc, Do Thanh Diep, Le Thanh Vu, Nguyen Thi Vien Phuong, Tran Trung Dung, Phan Ngoc Binh, Nguyen Thi Nhi

The long term impact of pm2.5 on mortality in Ho Chi Minh city, 2018 [33]

Tran Ngoc Dang, Nguyen Truong Vien, Nguyen Dao Thien An, Truong Thi Thuy Dung, Nguyen Ngoc Nhat Thanh, Dinh Thi Giang, Phan Hoang Thuy Dung

Dietary practice among type 2 diabetics at Huu Thinh commune, Chau Thanh district, Ben Tre province [43]

Do Thi Hanh Trang, Huynh Thi Ngoc Hien

Using information on HIV/AIDS prevention and control of University students in Vinh [53]

Nguyen Thi Huong, Nguyen Thi Bich Nguyet, Ho Thi Hien

Sử dụng thông tin phòng, chống HIV/AIDS của sinh viên tại trường đại học

Nguyễn Thị Hương¹, Nguyễn Thị Bích Nguyệt², Hồ Thị Hiền¹

Tóm tắt: Đối tượng nhiễm HIV đang có xu hướng “trẻ hóa” ngày càng rõ rệt. Tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm tuổi 20-39 chiếm 70%. Truyền thông phòng, chống HIV/AIDS trong trường học là dễ thực hiện và tập trung được đối tượng nhất.

Phương pháp: Nghiên cứu (NC) nhằm mô tả về sử dụng thông tin phòng, chống HIV/AIDS của sinh viên. Sử dụng mô tả cắt ngang, định lượng kết hợp định tính. NC định lượng: Chọn mẫu phân cụm theo lớp phân tầng tỷ lệ, số liệu được thu thập trên 400 sinh viên, sử dụng bộ câu hỏi cấu trúc đã thiết kế sẵn. NC định tính: Chọn mẫu chủ đích, tiến hành phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm sinh viên.

Kết quả: Sinh viên cho rằng thông tin HIV là thông tin bổ ích nhất chiếm 45.8%. Thông tin về HIV/AIDS chia sẻ với bạn bè chiếm 64%, cán bộ chuyên môn chiếm 50.5%, bố, mẹ hoặc cả bố và mẹ chiếm dưới 30%. Sinh viên thích tìm hiểu thông tin qua sách báo, đài, TV, tạp chí chiếm 82.2%, bài giảng chiếm 47%.

Kết luận: Chủ đề về HIV/AIDS là một chủ đề tế nhị và không công khai thảo luận và cũng hạn chế trong việc giao tiếp với thầy cô là chưa có môn học chính khóa về HIV/AIDS, các phương thức truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS có những ưu và nhược điểm khác nhau. Cần đưa thông tin liên quan đến HIV/AIDS vào giảng dạy chính khóa. Hình thức truyền thông cần đa dạng.

Từ khóa: Sử dụng thông tin, HIV/AIDS, sinh viên, đại học

Using information on HIV/AIDS prevention and control among students in a university

Nguyen Thi Huong¹, Nguyen Thi Bich Nguyet², Ho Thi Hien¹

Abstract: People with HIV tend to be younger, with the HIV infection rate among people aged 20-39 years old accounting for 70%. Communication on HIV/AIDS prevention and control in university settings is the easiest way to implement and can involve many students at the same time. This study aimed to present how students use information and communication for HIV/AIDS prevention and control.

Method: The study employed a cross-sectional study design, using quantitative and qualitative data. Quantitative data were collected from a proportional stratified sample of 400 students using

a structured questionnaire. Qualitative data were collected through purposive sampling, in-depth interviews, and focus group discussions with students.

Result: Students think HIV information is the most useful information, accounting for 45.8%. Information on HIV/AIDS shared with friends accounted for 64%, professional staff accounted for 50.5%, father, mother, or both parents accounted for less than 30%. Students who like to find information through books, radio, TV, magazines accounted for 82.2%, lectures accounted for 47%.

Conclusion: HIV/AIDS's topic is delicate and is not openly discussed and limited in communication with teachers as there is no formal subject on HIV/AIDS taught at the school. The information related to HIV/AIDS should be included in the curriculum, and communication formats should be diverse.

Key words: Information use, HIV/AIDS, students, university

Tác giả:

1. Trường Đại học Y tế công cộng

2. Trung tâm Y tế thành phố Vinh

Email: nth12@huph.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Tại châu Á, thanh niên (15 – 24 tuổi) là đối tượng có nguy cơ lây nhiễm cao, 95% trường hợp người trẻ tuổi nhiễm HIV là vị thành niên và thanh niên. Đối tượng nhiễm HIV đang có xu hướng “trẻ hóa” ngày càng rõ rệt. Năm 2017 tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm tuổi 20-39 chiếm 70% số trường hợp nhiễm HIV¹. Chương trình thông tin, giáo dục truyền thông (TT-GD-TT) thay đổi hành vi phòng, chống HIV/AIDS là một trong chín nội dung của chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam. Trường học là nơi tập trung số lượng lớn học sinh, sinh viên, nơi phổ biến kiến thức được xã hội công nhận. Truyền thông phòng, chống HIV/AIDS trong trường học là dễ thực hiện nhất và dễ tập trung được đối tượng nhất.

Nghệ An với 3,711 trường hợp nhiễm HIV, là

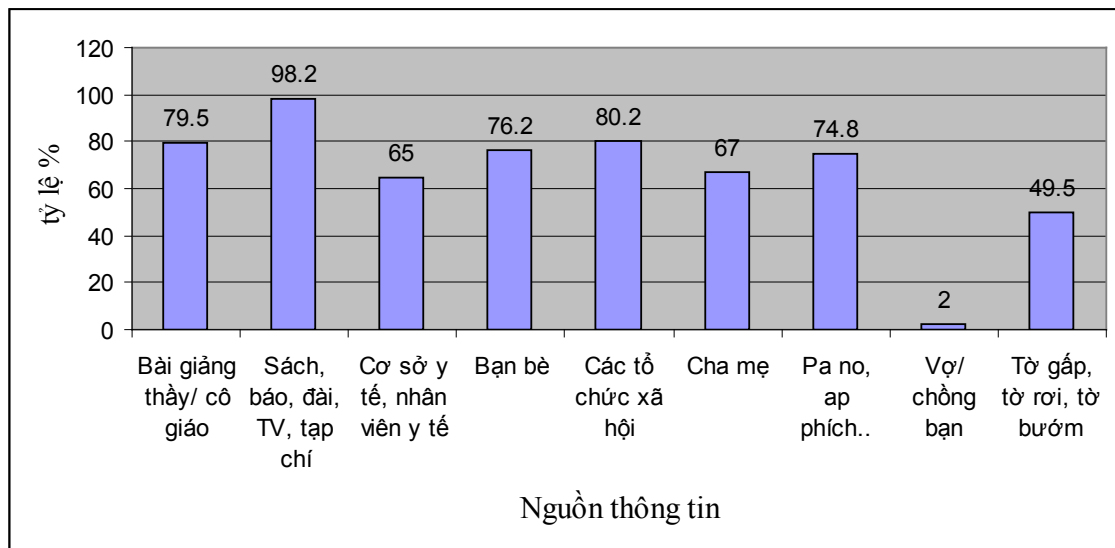
địa danh đứng thứ 6 cả nước về số người nhiễm HIV hiện còn sống. Nếu nói Nghệ An là một trọng điểm về HIV/AIDS thì thành phố Vinh là một địa bàn nóng bỏng và phức tạp nhất. Số trường hợp nhiễm HIV ở Vinh là 1,713 người, cao nhất Nghệ An. Phân bố các trường hợp nhiễm HIV tập trung ở nhóm 20 - 29 chiếm 44.8%². Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh là một trong 6 trường đại học ở Vinh, đặt tại phường Hưng Dũng (trọng điểm HIV/AIDS ở Vinh). Chúng tôi nghiên cứu nhằm mục tiêu mô tả về sử dụng thông tin truyền thông phòng, chống HIV/AIDS của sinh viên một trường đại học trọng điểm HIV/AIDS ở Vinh.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế mô tả cắt ngang kết hợp giữa NC định lượng và định tính. Đối tượng NC: Sinh viên trường ĐH SPKT Vinh

hệ đại học chính quy từ khóa 2 đến khóa 5. Thời gian NC từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2009 – 2010. NC định tính: Chọn mẫu chủ đích 5 người để tiến hành PVS và 12 – 16 sinh viên tham gia 2 buổi thảo luận nhóm, chủ đề nhu cầu thông tin phòng, chống HIV/AIDS, kênh giao tiếp, tài liệu truyền thông. NC định lượng: Chọn mẫu phân cụm phân tầng tỷ lệ, cách tiến hành 400 SV được chia làm 20 cụm, mỗi cụm 20 sinh viên/1 lớp, sử dụng bộ câu hỏi cấu trúc đã thiết kế sẵn về sử dụng thông tin truyền thông phòng, chống HIV/AIDS dựa trên các nghiên cứu trước. NC được thông qua bởi Hội đồng đạo đức của trường Đại học Y tế công cộng Hà Nội và được sự chấp thuận của lãnh đạo và y tế của địa phương.

2. Kết quả nghiên cứu



Biểu đồ 1: Tiếp cận nguồn thông tin về HIV/AIDS của sinh viên

Biểu đồ cho thấy 100% sinh viên đã nghe nói về HIV từ các nguồn thông tin khác nhau trong đó nguồn thông tin chủ yếu là các phương tiện truyền thông đại chúng: sách, báo, đài, ti vi, tạp chí chiếm 98.2% qua pano, các tổ chức xã

2.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Tuổi trung bình của sinh viên là 21 tuổi trong đó nhỏ nhất là 19 tuổi, cao nhất là 36 tuổi; 44.7% sinh viên là 20 và 21 tuổi. Sự phân bố theo giới không đồng đều chủ yếu là nam chiếm đa số 83.2%; trên 90% sinh viên là nông thôn. Sau khi vào đại học SV thuê trọ chiếm tỷ lệ cao (82.8%), SV sống với gia đình và ký túc xá chiếm 17.2%. Trong 400 sinh viên đã có gia đình chiếm 1.8 % còn lại là độc thân chiếm đến 98.2%.

2.2. Sử dụng thông tin phòng, chống HIV/AIDS của sinh viên trường đại học.

3.2.1. Nguồn và thông tin sẵn có

- Nguồn thông tin sẵn có

hội chiếm 80.2%, tiếp theo bài giảng của thầy cô giáo chiếm 79.5%, áp phích chiếm 74.8%. Bên cạnh những nguồn thông tin chủ yếu thì có nguồn thông tin ít dung là vợ/chồng, bạn chỉ chiếm 2%.

- Các thông tin sẵn có:

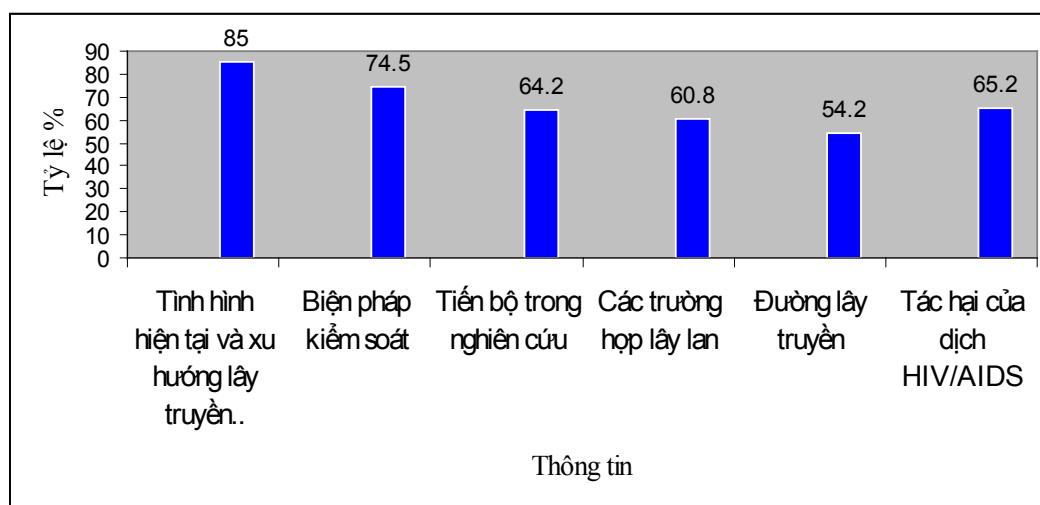
Bảng 1: Các thông tin mà sinh viên nhận được liên quan đến HIV/AIDS (tỷ lệ %)

Nội dung	Trước khi vào đại học	Sau khi vào đại học	Thông tin cho rằng bổ ích nhất
Thông tin về HIV/AIDS	96.5	91.2	45.8
Thông tin về viêm gan	39.8	25.8	7.8
Thông tin về tiêm chích an toàn	50.0	35.0	1.2
Thông tin về tình dục an toàn	71,2	54.8	11.5
Thông tin về cai nghiện ma túy	46.2	31.8	1.5
Thông tin về giáo dục giới tính	74.0	69.0	26.0
Thông tin về các bệnh lây truyền qua QHTD	37.5	28.8	4.0
Khác: chưa nhận được thông tin nào	0	2.0	2.2

Bảng trên cho thấy thông tin liên quan đến HIV/AIDS sinh viên nhận được cả trước và sau khi vào trường. Thông tin nhận được nhiều nhất là thông tin về HIV/AIDS trên 90%. Tiếp theo đó là thông tin về giáo dục giới tính và tình dục an toàn: trước khi vào trường chiếm trên 70%; sau khi vào trường chiếm trên 54%. Bên cạnh những thông tin HIV/AIDS có thông

tin về các bệnh lây truyền qua QHTD sinh viên ít quan tâm hơn chiếm dưới 40%. Trong các thông tin nhận được tại trường thì thông tin về HIV/AIDS là sinh viên cảm thấy bổ ích nhất chiếm 45.8%.

3.2.2. Nhu cầu thông tin HIV/AIDS của sinh viên



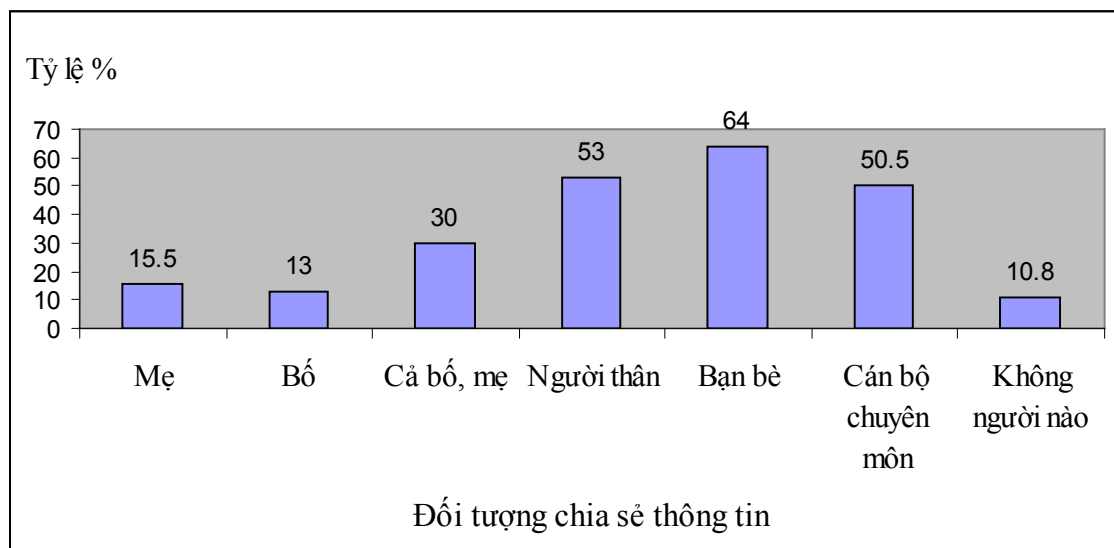
Biểu đồ 2: Nội dung thông tin sinh viên mong muốn được cung cấp thêm

Các thông tin mà sinh viên có nhu cầu nhiều nhất là tình hình hiện tại và xu hướng lây lan của AIDS trên toàn thế giới chiếm 85%. Qua PVS sinh viên còn muốn cung cấp thêm thông tin về giáo dục giới tính và quan hệ tình dục an toàn:

Theo chúng em, với một thông tin gì đó đến với đa số sinh viên hoặc giới trẻ năng động thì hầu như vấn đề quan tâm nhất với sinh viên là cái sức khỏe giới tính và QHTD an toàn.

TLN sinh viên

3.2.3. Kênh giao tiếp về vấn đề liên quan đến HIV/AIDS



Biểu đồ 3: Đối tượng sinh viên chia sẻ thông tin về HIV/AIDS

Sinh viên thích chia sẻ thông tin về HIV/AIDS với bạn bè chiếm tỷ lệ cao nhất (64%). Đối tượng cán bộ chuyên môn đứng thứ 2 chiếm 50.5%. Số sinh viên thích chia sẻ thông tin với bố, mẹ hoặc cả bố và mẹ chiếm dưới 30%.

Khó khăn trong chia sẻ thông tin về HIV/AIDS:

Trên lớp không có môn học về HIV/AIDS nên không thể trao đổi thoải mái với Thầy Cô, bạn bè. Nếu mình đưa ra nói chuyện như mình am hiểu về vấn đề này quá thì mọi người lại nói như kiểu mình đang mắc phải và mình muốn tháo gỡ cho bản thân mình.

TLN sinh viên

Bảng 2: Kênh giao tiếp ưa thích nhất của sinh viên (tỷ lệ %)

Kênh giao tiếp ưa thích	Tỷ lệ %
Bài giảng thầy/ cô giáo	47.0
Sách báo đài ti vi tạp chí	82.2
Cơ sở y tế, nhân viên y tế	38.2

Bạn bè	38.5
Các tổ chức xã hội	59.2
Cha mẹ	24.0
Pano, áp phích	36.8
Vợ/ chồng bạn	2.0

Tỷ lệ % SV thích tìm hiểu thông tin qua sách báo, đài, TV, tạp chí chiếm tỷ lệ cao nhất 82.2%. Qua bài giảng của Thầy cô giáo 47%.

3.2.4. Tài liệu truyền thông PC HIV/AIDS

Tài liệu truyền thông phòng, chống HIV/AIDS chưa có trong môn học chính khóa mà có thể lồng ghép trong các môn khác như chia sẻ dưới đây:

Do đặc thù của trường ĐH SPKT cho nên môn học mà nói là môn học chính khóa về phòng, chống HIV/AIDS thì không nhưng tôi khẳng định rằng thông qua các bài giảng của các môn học. Ví dụ như môn giáo dục pháp luật, giáo dục chính trị đầu khóa thì đều có những phần, những nội dung đề cập đến công tác PC HIV/AIDS trong nhà trường.

Bí thư đoàn trường ĐH SPKT Vinh

Các bạn sinh viên cũng chia sẻ không được học phòng, chống HIV/AIDS trong môn học chính khóa mà nhắc đến trong sinh hoạt đầu khóa:

Chúng em không có môn học chính khóa nào về phòng, chống HIV/AIDS. Chúng em chỉ được nhắc đến qua các buổi sinh hoạt đầu khoá. Riêng lớp sư phạm có môn sức khỏe sinh sản, tâm lý có nội dung nhắc tới vấn đề này.

TLN sinh viên

Khó khăn không chỉ nguồn tài liệu truyền thông còn hạn chế mà còn phải cải thiện truyền thông theo hướng bổ sung thêm nội dung, thay đổi hình thức:

Cái khó khăn nguồn tài liệu truyền thông còn hạn chế, hàng năm chúng tôi phải lên Trung tâm AIDS xin. Tất nhiên là nhờ sự giúp đỡ của Trung tâm AIDS để có được cái nguồn tài liệu. Nếu không để chúng tôi tự mua hay tự đánh máy,

tự tìm hiểu thì quả thật đây là một khó khăn.

Bí thư đoàn trường ĐH SPKT Vinh

3.2.5. Tham gia hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại trường của sinh viên

Sinh viên tham gia hoạt động phòng, chống HIV/AIDS bằng rất nhiều hình thức khác nhau. Qua PVS về hình thức truyền thông hiệu quả nhất trong trường học thì hình thức báo viết phát huy vì kích lệ sự tìm tòi sinh viên:

Các hình thức truyền thông đặc biệt trong lĩnh vực của sinh viên thì lĩnh vực báo viết phát huy được khả năng diễn đạt, các cuộc thi tìm hiểu kích lệ sự tìm tòi của sinh viên.

Chuyên trách HIV/AIDS Nghệ An

Theo chia sẻ của một nhóm sinh viên thì hình thức hiệu quả nhất để truyền thông là hội thi có giải

Theo chúng em hiệu quả nhất mà em nghĩ là tổ chức các hội thi. Còn sinh hoạt đầu khóa thì ngồi cũng chả ai nghe đâu. Ngồi chẳng qua chỉ là điểm danh thôi. Hội thi nên kiểu gì cũng có giải.

TLN sinh viên

Một nhóm sinh viên khác lại cho rằng tổ chức buổi nói chuyện cho từng giới thì sẽ hiệu quả:

Tổ chức các buổi truyền thông riêng cho từng nhóm nam, nữ để chúng em có thể thoải mái trao đổi thông tin về tin về tình yêu, tình dục, giới và BCS.

TLN sinh viên

Theo như chia sẻ của lãnh đạo nhà trường hình thức truyền thông hiệu quả là tập huấn tuy nhiên cần phối hợp nhiều chuyên ngành:

Tôi nghĩ là tập huấn, thông qua nhận thức và năng lực từ các lớp tập huấn thì phải quay lại

vấn đề là nếu như để tuyên truyền tốt và có hiệu quả thì lại phải kết hợp với cán bộ chuyên môn của các TTYT dự phòng hoặc là các bác sỹ là đoàn viên thanh niên của các bệnh viện. Để chúng tôi xem những mô hình, lấy các định hướng của các trung tâm, của các bác sỹ sát về công tác phòng, chống HIV/AIDS, lúc bấy giờ tổ chức tại trường học mới có hiệu quả.

Bí thư đoàn trường ĐH SPKT Vinh

4. Bàn luận

4.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Khoảng một nửa đối tượng nghiên cứu nằm trong độ tuổi 20-21 tuổi, tương đương với nhóm tuổi của sinh viên 3 trường đại học tại Hà Nội³. Tuổi trung bình là 21 tuổi, đây là lứa tuổi trẻ có tri thức và có điều kiện tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về HIV/AIDS.

Số nam sinh viên tham gia nghiên cứu chiếm tới gần 90% cao hơn nhóm SV tại 3 trường đại học tại Hà Nội (chiếm 59.5%). Điều này phù hợp với thực tế vì trường đào tạo sinh viên nghề và sư phạm dạy nghề (công nghệ thông tin, kỹ thuật điện, điện tử viễn thông, chế tạo máy, ô tô, sư phạm kỹ thuật công nghiệp).

Nơi xuất thân và nơi cư trú hiện tại: Trong nghiên cứu chỉ có 7.5% sinh viên là người thành thị và 92.5% là nông thôn. Đây là một yếu tố cũng cần phải cân nhắc trong vấn đề truyền thông vì có thể vấn đề phong tục tập quán, điều kiện phát triển kinh tế của địa phương cũng ảnh hưởng nhiều đến lối sống, nhận thức của sinh viên.

Ban quản lý sinh viên cũng đề ra nhiều biện pháp nhằm quản lý sinh viên tại khu nội trú như có nội quy, thường xuyên kiểm tra. Tuy nhiên, một số điểm khác cần quan tâm là có tới 82.8%

sinh viên sống tại các khu nhà trọ thuê nằm rải rác trong nhà dân. Nhà trường hầu như không có quản lý chỉ có thể kiểm tra các em thông qua “bảng cam kết sống lành mạnh” của phường nơi các em ở trọ. Và nhà trường chỉ có thông tin về các em này nếu họ gặp các vấn đề liên quan đến pháp luật.

Tình trạng hôn nhân: chỉ có 1.8% đối tượng nghiên cứu đã có vợ hoặc chồng, tương đương với kết quả khảo sát sinh viên 3 trường đại học Hà Nội là 0.2%³. Như vậy hầu hết sinh viên còn độc thân, đây là một điểm cần lưu ý khi phát triển tài liệu giáo dục, truyền thông phòng chống HIV/AIDS.

4.2. Sử dụng thông tin phòng, chống HIV/AIDS của sinh viên trường Đại học SPKT Vinh.

- Dịch vụ thông tin sẵn có

Nguồn thông tin: 100% sinh viên đã được nghe nói về HIV/AIDS, ở SAVY 1 là 97%⁴, sinh viên Trung Quốc và Kazakhstan đều (99%)⁵,⁶. Tuy nhiên các thông tin liên quan đến HIV/AIDS sinh viên nhận được sau khi vào trường đại học giảm so với trước khi vào đại học. Điều này có thể là do chúng tôi điều tra sinh viên tất cả các khóa, bao gồm cả tân sinh viên, mới vào trường. Và là trường kỹ thuật, nên phòng, chống HIV/AIDS ít được đề cập trong các môn học. Thông tin sinh viên nhận được thấp nhất là thông tin về các bệnh lây truyền qua QHTD (chiếm 29.8%). Vì vậy đây là nội dung mà công tác truyền thông cần nhấn mạnh. Trong các thông tin nhận được tại trường thì thông tin về HIV/AIDS là sinh viên cảm thấy bổ ích nhất.

Nhu cầu thông tin: sinh viên mong muốn cung

cấp thêm thông tin về: tình hình hiện tại và xu hướng lan truyền bệnh AIDS trên toàn thế giới (chiếm 85%), tiếp đến là biện pháp kiểm soát (chiếm 74.5%). Kết quả này tương đương với mong muốn của sinh viên Trung Quốc ⁵. Qua phỏng vấn định tính sinh viên còn mong muốn cung cấp thêm thông tin về giáo dục giới tính và quan hệ tình dục an toàn.

- Kênh giao tiếp

Đối tượng sinh viên chia sẻ thông tin về HIV/AIDS: phần lớn sinh viên nói chuyện với bạn bè về thông tin liên quan đến HIV/AIDS. Phổ biến hơn nói chuyện với cha mẹ, đó là một dấu hiệu cho thấy chủ đề về HIV/AIDS là không công khai thảo luận. Và điều mà các em cho rằng cản trở trong giao tiếp hiệu quả về HIV/AIDS là trong trường đại học các em không có môn học chính khóa đề cập về vấn đề này. 64% chia sẻ thông tin về HIV/AIDS với bạn bè chiếm tỷ lệ cao nhất. Đối tượng cán bộ chuyên môn đứng thứ 2 (50.5%), cả bố và mẹ (30%). Ở Trung Quốc (73.7%) sinh viên trả lời với bạn bè, câu trả lời thứ 2 phổ biến là mẹ (32.8%), tiếp theo là nhân viên y tế (31.6%) ⁵.

5. Kết luận

Nguồn thông tin chủ yếu là các phương tiện truyền thông đại chúng: sách, báo, đài, ti vi, tạp chí chiếm 98.2% qua pano, các tổ chức xã hội chiếm 80,2%, tiếp theo bài giảng của thầy cô giáo chiếm 79,5%, áp phích chiếm 74.8%.

Thông tin nhận được nhiều nhất là thông tin về HIV/AIDS trên 90%. Tiếp theo đó là thông tin về giáo dục giới tính và tình dục an toàn: trước khi vào trường chiếm trên 70%; sau khi vào trường chiếm trên 54%. Trong các thông tin

nhận được tại trường thì thông tin về HIV/AIDS là sinh viên cảm thấy bổ ích nhất chiếm 45.8%.

Các thông tin mà sinh viên có nhu cầu nhiều nhất là tình hình hiện tại và xu hướng lây lan của AIDS trên toàn thế giới chiếm 85%. Qua PVS sinh viên còn muốn cung cấp thêm thông tin về giáo dục giới tính và quan hệ tình dục an toàn.

6. Khuyến nghị

- Cần đưa thông tin liên quan đến HIV/AIDS vào chương trình giảng dạy chính khóa. Tổ chức cấp phát tài liệu truyền thông phòng, chống HIV/AIDS tới các trường học. Tập huấn cho cán bộ y tế, cán bộ Đoàn trường, phòng công tác học sinh, sinh viên về nội dung, chính sách và biện pháp thực hiện truyền thông phòng chống HIV/AIDS.

- Kiến thức về HIV/AIDS của sinh viên có nhưng chưa đủ. Trong truyền thông cần nêu rõ các đường không lây của HIV và các biện pháp phòng bệnh chủ động, tình hình hiện tại và xu hướng lây lan của AIDS trên toàn thế giới; thông tin về giáo dục giới tính và quan hệ tình dục an toàn. Hình thức truyền thông cần đa dạng phong phú. Cần lưu ý đến vấn đề giới trong truyền thông trực tiếp.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Long (2018), Báo cáo Công tác phòng, chống HIV/AIDS năm 2017 và các nhiệm vụ trọng tâm năm 2018. *Hội nghị tổng kết công tác phòng chống HIV/AIDS năm 2017 và phương hướng năm 2018*, Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Bộ Y tế, 1-2.
2. Nguyễn Văn Định (2010). Báo cáo tình hình nhiễm HIV/AIDS tháng 12/2009. *Hội nghị tổng kết năm 2009*, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS, Sở Y tế Nghệ An, 6-7.
3. Nguyễn Vũ Thành (2006). Nghiên cứu kiến thức, thái độ, kỹ năng và nguyện vọng của SV về phòng lây nhiễm HIV. *Tạp chí dân số & phát triển*, 12, 19-26.
4. Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê (2006). Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam.
5. Madelene A, Louise A, Xiaodong T et al (2009), HIV/AIDS awareness, attitudes and risk behavior among university students in Wuhan, China. *J. Open AIDS J*, 3, 55-62.
6. Marit. H, Leo S, Marat U et al (2008). HIV/AIDS awareness and risk behavior among students in Semey, Kazakhstan: a cross-sectional survey. *BMC Int Health Hum Rights*, 2008 Dec 16, 8-14.
7. Phan Quốc Hội (2014). Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành phòng, chống HIV/AIDS của sinh viên trường đại học SPKT Vinh, Nghệ An, năm 2009- 2010. *Tạp chí Y học thực hành*, 914 (4), 40- 43.